

**BIÊN BẢN**

**Về việc công khai bản đối chiếu tài chính  
Trường tiểu học An Thái tháng 04/2023**

Thời gian: vào lúc 08h00, ngày 01 tháng 5 năm 2023

Địa điểm: Tại văn phòng trường Tiểu học An Thái

Đã tiến hành lập biên bản niêm yết bản công khai đối chiếu kinh phí ngoài ngân sách T4/2023, các khoản phục vụ lại cho học sinh, đối với các nguồn kinh phí ngoài ngân sách 2022-2023 của trường tiểu học An Thái, niêm yết tại bảng công khai tại văn phòng trường.

**Thành phần lập biên bản:**

- |                            |                              |
|----------------------------|------------------------------|
| 1. Đ/c Đỗ Văn Hoan         | – Hiệu trưởng                |
| 2. Đ/c Phạm Thị Thanh Hòa  | – Phó HT- Chủ tịch công đoàn |
| 3. Đ/c Nguyễn Thị Thu Thủy | – Kế toán                    |

**Nội dung:**

Trường tiểu học An Thái đã tiến hành lập biên bản niêm yết:

- Bản công khai đối chiếu tài chính T4/2023 gồm có:

- + Thu chi trích lập quỹ phúc lợi tháng 4/2023
- + Thu chi quỹ dự phòng ổn định tăng thu nhập tháng 4/2023
- + Thu chi quỹ chăm sóc SKBĐ tháng 4/2023
- + Thu chi quỹ tiền ăn, bảo mẫu, ga, cấp dưỡng Bán trú tháng 4/2023
- + Thu chi tiền quỹ cơ sở vật chất bán trú đầu năm tháng 4/2023
- + Thu chi tiền buổi 2 tháng 4/2023

Công khai tại bảng công khai văn phòng nhà trường từ ngày 01/5/2023 đến hết 30/05/2023.

Trong thời gian công khai, nếu có ý kiến cần xác minh, giải trình đối với các nội dung công khai xin liên hệ bộ phận chuyên môn liên quan đến nội dung công khai.

**HIỆU TRƯỞNG**  
**ĐỖ VĂN HOAN**



Đơn vị công bố thông tin: **Trường Tiểu học An Thái**

- Địa chỉ: Ấp Phú Thịnh I, xã An Thái - Phú Giáo - Bình Dương

- Số điện thoại (nếu có): 02743661604

**CÔNG KHAI THU VÀ SỬ DỤNG NGUỒN THU NĂM HỌC : 2022 -2023 ( tháng 4/2023)**

Đơn vị: đồng

| Các khoản thu                                    | Số tiền           | Sử dụng nguồn thu                                                                                                            | Số tiền    |
|--------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>I. Trích lập quỹ phúc lợi</b>                 |                   |                                                                                                                              |            |
| 1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang                  | 136,800           |                                                                                                                              |            |
| Thu                                              | 0                 | Chi                                                                                                                          | 0          |
| Tổng cộng:                                       | 0                 | Tổng cộng:                                                                                                                   | 0          |
| <u>Tồn quỹ cuối kỳ:</u>                          | <u>136,800</u>    |                                                                                                                              |            |
| <b>II. Quỹ ổn định dự phòng TTN</b>              |                   |                                                                                                                              |            |
| 1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang                  | 38,165,833        |                                                                                                                              |            |
| Thu                                              |                   |                                                                                                                              | 0          |
| Tổng cộng:                                       | 0                 | Tổng cộng:                                                                                                                   | 0          |
| <u>Tồn quỹ cuối kỳ:</u>                          | <u>38,165,833</u> |                                                                                                                              |            |
| <b>III. Quỹ CSSKBĐ</b>                           |                   |                                                                                                                              |            |
| 1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang                  | 17,870,660        |                                                                                                                              |            |
| Thu tháng 4/2023                                 |                   |                                                                                                                              |            |
| Tổng cộng:                                       | 0                 | Tổng cộng:                                                                                                                   | 0          |
| <u>Tồn quỹ cuối kỳ:</u>                          | <u>17,870,660</u> |                                                                                                                              |            |
| <b>IV. Quỹ Tiền ăn bán trú</b>                   |                   |                                                                                                                              |            |
| 1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang                  | 0                 |                                                                                                                              |            |
| Thu tiền ăn bán trú tháng 4/2023                 | 52,224,000        |                                                                                                                              |            |
|                                                  |                   | Chi tiền mua thực phẩm (gạo, thịt cá, rau, củ quả) đồ gia vị tháng 04/2023 cho Cơ sở cung cấp hàng nông sản Nguyễn Thành Đạt | 41,000,942 |
|                                                  |                   | Chi tiền mua bánh Flan, Yaourt cho công ty TNHH Thương Mại Tú Linh Bình Phước tháng 4/2023                                   | 11,223,058 |
| Tổng cộng:                                       | 52,224,000        | Tổng cộng:                                                                                                                   | 52,224,000 |
| <u>Tồn quỹ cuối kỳ:</u>                          | <u>0</u>          |                                                                                                                              |            |
| <b>V. Quỹ công nấu cấp dưỡng</b>                 |                   |                                                                                                                              |            |
| 1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang                  | 0                 |                                                                                                                              |            |
| Thu tiền công nấu cấp dưỡng bán trú tháng 4/2023 | 7,168,000         |                                                                                                                              |            |
|                                                  |                   | Chi tiền cho công nấu cấp dưỡng tháng 4/2023                                                                                 | 7,168,000  |
| Tổng cộng:                                       | 7,168,000         | Tổng cộng:                                                                                                                   | 7,168,000  |
| <u>Tồn quỹ cuối kỳ:</u>                          | <u>0</u>          |                                                                                                                              |            |
| <b>VI. Quỹ ga nấu bán trú</b>                    |                   |                                                                                                                              |            |
| 1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang                  | 5,577,502         |                                                                                                                              |            |
| Thu tiền ga, điện, nước bán trú tháng 4/2023     | 3,072,000         |                                                                                                                              | 2,972,112  |
|                                                  |                   |                                                                                                                              |            |
|                                                  |                   |                                                                                                                              |            |



|                                               |                   |                                                  |                  |
|-----------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------|------------------|
| <b>Tổng cộng:</b>                             | <b>8,649,502</b>  | <b>Tổng cộng:</b>                                | <b>2,972,112</b> |
| <b>Tồn quỹ cuối kỳ:</b>                       | <b>5,677,390</b>  |                                                  |                  |
| <b>VII. Quỹ đồ dùng vệ sinh BT</b>            |                   |                                                  |                  |
| <b>1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang</b>        | <b>245,700</b>    |                                                  |                  |
| Thu tiền đồ dùng vệ sinh bán trú tháng 4/2023 | 1,024,000         | Chi tiền mua sắm nước rửa chén, nước lau nhà     | 1,240,000        |
| <b>Tổng cộng:</b>                             | <b>1,269,700</b>  | <b>Tổng cộng:</b>                                | <b>1,240,000</b> |
| <b>Tồn quỹ cuối kỳ:</b>                       | <b>29,700</b>     |                                                  |                  |
| <b>VIII. Tiền CSVC bán trú đầu năm</b>        |                   |                                                  |                  |
| <b>1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang</b>        | <b>0</b>          |                                                  |                  |
| Thu tiền CSVC bán trú đầu năm                 |                   | Chi mua đồ dùng bán trú                          |                  |
| <b>Tổng cộng:</b>                             | <b>0</b>          | <b>Tổng cộng:</b>                                | <b>0</b>         |
| <b>Tồn quỹ cuối kỳ:</b>                       | <b>0</b>          |                                                  |                  |
| <b>IX. Quỹ buổi hai</b>                       |                   |                                                  |                  |
| <b>1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang</b>        | <b>18,247,100</b> |                                                  |                  |
| Thu buổi 2 năm học 2022-2023                  |                   | Chuyển tiền nước sạch                            | 328,125          |
| <b>Tổng cộng:</b>                             | <b>18,247,100</b> | <b>Tổng cộng:</b>                                | <b>328,125</b>   |
| <b>Tồn quỹ cuối kỳ:</b>                       | <b>17,918,975</b> |                                                  |                  |
| <b>X. Quỹ Bảo mẫu</b>                         |                   |                                                  |                  |
| <b>1. Tồn quỹ kỳ trước chuyển sang</b>        | <b>0</b>          |                                                  |                  |
| Thu tháng 4/2023                              | 7,168,000         | Chi tiền cho quản lý, bảo vệ phụ vụ T4/2023      | 2,150,400        |
|                                               |                   | Chi tiền cho giáo viên trực tiếp giữ lớp T4/2023 | 5,017,600        |
| <b>Tổng cộng:</b>                             | <b>7,168,000</b>  | <b>Tổng cộng:</b>                                | <b>7,168,000</b> |
| <b>Tồn quỹ cuối kỳ:</b>                       | <b>0</b>          |                                                  |                  |


 Trưởng ban quản lý quỹ  
 (Chịu tài khoản)  
 ĐỖ VĂN HOAN

